

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-TCĐLA Ngày 18 tháng 7 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Long An)

**Tên nghề: Thú y**

**Mã nghề: 5640101**

**Trình độ đào tạo: Trung cấp**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên;**

**Thời gian đào tạo: 2 năm**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề Thú Y tương ứng với trình độ Trung cấp; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến thú y;

- Trình bày được các kiến thức về bệnh lý học, cách chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi, dịch vụ chăm sóc thú cưng;

- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;

- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

##### 1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;

- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;
- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương và tham gia sản xuất thuốc thú y;
- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;
- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;
- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp đạt trình độ trung cấp Thú y, học viên có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại: Các cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y; Các công ty chăn nuôi, công ty thuốc thú y, công ty thức ăn chăn nuôi; Hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình; Tự tổ

chức được một cửa hàng thuốc Thú y và thức ăn chăn nuôi; Hành nghề thú y tự do.

#### 1.4 Khả năng học tập và nâng cao trình độ

- Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 29

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 78 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1625 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 443 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1116 giờ; Kiểm tra: 66 giờ

### 3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>66</b>	<b>1625</b>	<b>443</b>	<b>1116</b>	<b>66</b>
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	450	164	263	23
MH 07	Cơ thể và sinh lý 1	4	90	30	56	4
MH 08	Vi sinh vật thú y	3	60	30	28	2
MH 09	Dược lý thú y 1	4	90	30	55	5
MH 10	Giống vật nuôi	2	45	15	28	2
MH 11	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	45	15	27	3
MH 12	Khuyến nông	2	45	15	28	2

MH 13	Luật thú y	2	30	14	13	3
MH 14	Bệnh học đại cương	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	45	1175	279	853	43
MĐ 15	Kỹ thuật truyền giống	2	45	15	28	2
MĐ 16	Chẩn đoán 1	2	45	15	28	2
MH 17	Bệnh truyền nhiễm	2	45	15	27	3
MH 18	Bệnh nội khoa	2	45	15	27	3
MH 19	Kỹ thuật ngoại khoa	2	45	15	27	3
MH 20	Bệnh ký sinh trùng	2	45	15	28	2
MH 21	Sản khoa	2	45	15	28	2
MĐ 22	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho heo	4	90	30	55	5
MĐ 23	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt	4	90	30	55	5
MĐ 24	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	4	90	30	55	5
MĐ 25	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	45	15	28	2
MĐ 26	Chăn nuôi an toàn sinh học	2	45	15	28	2
MĐ 27	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho dê, thỏ	4	90	30	56	4
MĐ 28	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo	4	90	24	63	3
MĐ 29	Thực tập cuối khóa	7	320	0	320	
<b>Tổng cộng</b>		<b>78</b>	<b>1880</b>	<b>537</b>	<b>1264</b>	<b>79</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

##### 4.1. Các môn học chung bắt buộc

Các môn học chung bắt buộc áp dụng theo các quy định

##### 4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Trong chương trình đào tạo, ngoài các giờ học trên, sinh viên có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa với khoảng 200 giờ với một số nội dung sau:

STT	Nội dung hoạt động ngoại khóa	Thời gian (giờ)	Tổ chức thực hiện
1	Giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ	45	- Sinh hoạt chính trị đầu khóa - Tiết sinh hoạt chủ nhiệm - Các buổi sinh hoạt chuyên đề
2	Xanh hóa GDNN	30	Chiều thứ 6 hàng tuần

3	Quyền con người		Thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN
4	Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN		

#### 4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thi kết thúc môn học, mô đun được hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm Lý thuyết chuyên môn; Thực hành.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn: MH 07, MH 09, MĐ 16 đến MĐ 29	Viết, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
2	Thực hành: MĐ 16 đến MĐ 29	Làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thành một sản phẩm, một tình huống, một kỹ năng quan trọng.	Thời gian thi 240 phút

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*